

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/01/2021

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Dung;

Bà Đỗ Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 210/2020/TLST-HNGĐ ngày 11.11.2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/12/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/12/2020, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2021/TB-TA ngày 11/01/2021, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Phạm Viết T**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương/ Vắng mặt.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1977.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: đường H, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Australia/ Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị L: Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1950.

Địa chỉ: phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương/ Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, các bản khai - Nguyên đơn anh **Phạm Viết T** trình bày: Anh và chị **Nguyễn Thị L** tự nguyện kết hôn tại UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hải Hưng (nay là tỉnh Hải Dương) vào ngày 14/11/1995. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì chị L đi xuất khẩu lao động tại Australia. Thời gian đầu chị L vẫn thường xuyên liên lạc về nhà cho anh, sau khi biết anh chơi bời, không tu chí làm ăn chị L không liên lạc về cho anh nữa và chị đề nghị

ly hôn nhưng anh không đồng ý. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, tình cảm không còn. Do vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L để ổn định cuộc sống riêng của mỗi người.

Về con chung: Anh và chị L có 03 con chung là Phạm Thị Thảo L, sinh ngày 30/7/1996; Phạm Mạnh H, sinh ngày 13/4/2000 và Phạm Đức M, sinh ngày 08/12/2009. Hiện cháu L và cháu H đã thành niên, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu M hiện đang ở với bà P là bà ngoại của cháu. Anh nhất trí để chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M, anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị L không có mặt tại Việt Nam, anh nhất trí giao cháu M cho bà P chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bà Nguyễn Thị P (mẹ đẻ chị L) xác định, bà đã thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị L biết. Chị L xác định anh T đã có người phụ nữ khác, vợ chồng mâu thuẫn cả về kinh tế và về tình cảm, không có biện pháp hòa giải tháo gỡ nên chị nhất trí ly hôn anh T và đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Đức M cho đến khi cháu thành niên, chị tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị không có mặt tại Việt Nam, chị ủy quyền cho bà chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M, bà nhất trí nhận sự ủy quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M của chị L.

Con chung của anh T và chị L là cháu Phạm Đức M có nguyện vọng được ở với chị L.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh T, chị L đăng ký kết hôn và cư trú thể hiện: Trong thời gian chung sống vợ chồng, chị L đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, anh T ở nhà có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án xác minh mâu thuẫn vợ chồng tại gia đình và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56; 81; 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Viết T được ly hôn chị Nguyễn Thị L. Về con chung: Giao cháu Phạm Đức M cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (tròn 18 tuổi), anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Phạm Đức M cho bà Nguyễn Thị P nuôi dưỡng, giáo dục trong thời gian chị L ở nước ngoài. Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Phạm Viết T hiện đang sinh sống ở Việt Nam, bị đơn chị Nguyễn Thị L nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh: đường H, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương, hiện đang lao động tại: Australia. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị L ở nước ngoài. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình chị L cung cấp địa chỉ, cũng như thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị L biết Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh T và chị nhưng gia đình không cung cấp được. Do vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, bà P vẫn thường xuyên liên lạc với chị L và đã thông báo cho chị L biết việc anh T làm đơn xin ly hôn. Chị L có quan điểm ủy quyền cho bà P thay chị chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M trong thời gian chị ở nước ngoài. Do vậy, Tòa án bổ sung bà Nguyễn Thị P tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền và đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên chị L vắng mặt lần thứ hai và có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt, bà P, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Viết T và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hải Hưng (nay là tỉnh Hải Dương) vào ngày 14/11/1995, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì chị L đi xuất khẩu lao động tại Australia, anh T ở nhà chơi bời, không tu chí làm ăn nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L. Chị L ở nước ngoài nhưng thông qua gia đình cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên có quan điểm đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh T được ly hôn chị L là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Phạm Viết T và chị Nguyễn Thị L có ba con chung là Phạm Thị Thảo L, sinh ngày 30/7/1996; Phạm Mạnh H, sinh ngày 13/4/2000 và Phạm Đức M, sinh ngày 08/12/2009. Hiện cháu L và cháu H đã thành niên, anh T, chị L không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết, cháu M hiện đang ở với bà P là bà ngoại của cháu. Thông qua gia đình chị L có quan điểm được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy, công việc của anh T bận rộn, không có thời gian chăm sóc cháu M, anh T đồng ý giao cháu M cho chị L nuôi dưỡng. Chị L có quan điểm ủy quyền cho bà P chăm sóc cháu M khi chị không có mặt tại

Việt Nam, bà P nhất trí nhận sự ủy quyền chăm sóc cháu M của chị L. Do vậy, HĐXX chấp nhận giao con chung Phạm Đức M cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị L không có mặt tại Việt Nam, tạm giao cháu M cho bà P chăm sóc nuôi dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Phạm Viết T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về hôn nhân gia đình) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Viết T ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cháu Phạm Đức M, sinh ngày 08/12/2009 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi; anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu M cho bà Nguyễn Thị P chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị L không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Viết T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0004768 ngày 04/11/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh Phạm Viết T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Viết T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, Lưu VP, Lưu Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Trường